

Bản án số: 422/2020/HC-PT

Ngày 20 tháng 8 năm 2020

“V/v Khiếu kiện quyết định hành chính”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 297/2020/TLPT-HC ngày 04 tháng 5 năm 2020 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1799/2019/HC-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1931/2020/QĐPT-HC ngày 22 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1936 – Vắng mặt.

Thường trú: P5 nhà 3, tập thể Ngoại Thương, phường Thỏ Quan, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội;

Chỗ ở: Căn hộ số 1 lầu 2 (Phòng 201), số 33 Bến Vân Đồn, Phường 12, Quận 4, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện:

- Ông Võ Tuấn A, sinh năm 1984 - Có mặt;

Địa chỉ: 3R6-02 Sky Garden 3 R1-3, phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố H (Văn bản ủy quyền ngày 15/6/2020);

- Bà Trương Thị Băng T, sinh năm 1962 (Có đơn xin vắng mặt);
Địa chỉ: 8B8 Block B Tòa nhà Copec Square, số 12 Tôn Đức, Phường 13,
Quận 4, Thành phố H.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân Quận 4, Thành phố H;

Địa chỉ: Số 18 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, Thành phố H;

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Võ Thanh D – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 4 (Văn bản ủy quyền số 1664/GUQ-UBND ngày 20/8/2020) – Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Nguyễn Ngọc T¹, Phó Trưởng Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng Quận 4 – Có mặt;

- Ông Trần Minh K, Chuyên viên phụ trách Dự án đầu tư xây dựng mới Trường Trung học phổ thông Nguyễn Khuyến, Quận 4 – Có mặt;

Cùng địa chỉ số 18 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, Thành phố H;

3. *Người kháng cáo:* Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Kim D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim D và lời khai tiếp theo của người đại diện trình bày:

Năm 1989, vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim D được cấp căn hộ số 1 lầu 2 (Phòng 201), số 33 Bến Vân Đồn, Phường 12, Quận 4, Thành phố H và vợ chồng bà đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính cho Xí nghiệp Giao nhận kho vận Rau quả - Tổng công ty rau quả Việt Nam từ năm 1992.

Ủy ban nhân dân Quận 4 đã ban hành: Quyết định số 731/QĐ-UBND-TH ngày 19/5/2010 thu hồi căn hộ nêu trên của bà D; Bảng chi tiết tính chi phí bồi thường, hỗ trợ số 19/DSDC ngày 17/7/2015; Quyết định số 3638/QĐ-UBND-TH ngày 31/12/2015 điều chỉnh Quyết định 731 diện tích sàn sử dụng từ 79,2 m² lên thành 84,5 m².

Ủy ban nhân dân Quận 4 ban hành Quyết định số 257/QĐ-UBND-NK ngày 29/01/2016 (Viết tắt Quyết định 257) phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất. Theo đó, bà D được bồi thường căn hộ diện tích 57,29 m², đơn giá 16.200.000 đồng/m² và bà D bị trừ tiền hóa giá nhà theo Nghị định số 61/1994/NĐ-CP ngày 05/7/1994 của Chính phủ.

Đến ngày 10/11/2017, Ủy ban nhân dân Quận 4 ban hành Quyết định số 3613/QĐ-UBND-NK (Viết tắt Quyết định 3613) bồi thường bổ sung, tăng diện tích bồi thường theo bảng chiết tính 78,43 m², đơn giá 16.200.000 đồng/m².

Bà Nguyễn Thị Kim D không đồng ý các quyết định của Ủy ban nhân dân Quận 4 vì đã không thực hiện thủ tục thẩm định giá thị trường tại thời điểm ban

hành bằng chiết tính chi phí bồi thường, hỗ trợ; trái với Phương án số 1808/PA-UBND ngày 03/7/2015 của Ủy ban nhân dân Quận 4; áp giá thời điểm năm 2010 để bồi thường là không đúng mục a khoản 2 Điều 9 Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 quy định đơn giá bồi thường được tính theo thời điểm bồi thường; Ủy ban nhân dân Quận 4 xác định căn hộ của bà D thuộc diện nhà ở có nguồn gốc do các cơ quan, tổ chức bố trí để ở sai thẩm quyền, sai công năng và trừ tiền hóa giá nhà theo Nghị định 61 là không đúng quy định vì khi được cấp căn hộ thì bà D đã hoàn trả chi phí xây dựng căn hộ cho Xí nghiệp và Xí nghiệp Giao nhận kho vận Rau quả cổ phần hóa vào năm 2001 và đổi tên thành Công ty Cổ phần Cảng Rau Quả, đã xử lý tài sản trên theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nên bà D đầy đủ điều kiện được bồi thường về nhà mà không phải trừ tiền hóa giá nhà; Ủy ban nhân dân Quận 4 đền bù theo giá đất trong hẻm là không đúng thực tế vị trí khu nhà và các giấy tờ của khu nhà từ trước giải phóng đến nay.

Bà Nguyễn Thị Kim D khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các quyết định của Ủy ban nhân dân Quận 4 gồm: Quyết định số 257; Quyết định số 3613 và Quyết định số 2498/QĐ-UBND-TH ngày 15/8/2017 (Viết tắt Quyết định số 2498) vì bổ sung tên ông Trương Thúc U đã chết năm 1992 tại quyết định thu hồi căn hộ và quyết định bồi thường nêu trên là không đúng pháp luật.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận 4 trình bày:

Dự án đầu tư xây dựng Trường Trung học phổ thông Nguyễn Khuyến được thực hiện theo Quyết định số 2973/QĐ-UBND ngày 10/7/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố H. Bà Nguyễn Thị Kim D và ông Trương Thúc U có căn hộ số 1 lầu 2 (Phòng 201), số 33 Bến Vân Đồn bị ảnh hưởng bởi Dự án. Ủy ban nhân dân Quận 4 ban hành các quyết định: Quyết định số 731/QĐ-UBND-TH ngày 19/5/2010 thu hồi căn hộ nêu trên của bà D; Quyết định số 1102/QĐ-UBND-TH ngày 13/8/2010 phê duyệt Phương án số 66/PA-UBND về bồi thường hỗ trợ và tái định cư theo quy định tại thời điểm có hiệu lực của Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Căn hộ của bà D thuộc trường hợp nhà ở có nguồn gốc do các đơn vị, tổ chức bố trí để ở sai thẩm quyền, sai công năng, chưa có chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Tại khoản 2 khoản 8 Điều 24 Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố thì bà D được hỗ trợ 60% giá trị nhà đất. Sau đó, Ủy ban nhân dân Quận 4 đã kiến nghị đến Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận đối với 25 trường hợp (trong đó có bà D) được hưởng chính sách bồi thường, hỗ trợ 100% giá trị nhà đất, nhưng phải trừ tiền hóa giá nhà theo Nghị định 61/CP.

Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân Quận 4 ban hành Quyết định số 1829/QĐ-UBND-TH ngày 15/7/2015 phê duyệt Phương án điều chỉnh khoản 3 Điều 11 và bổ sung Điều 19 Phương án số 66/PA-UBND ngày 12/8/2010. Đối với hộ bà D được bố trí căn hộ tái định cư số M4.07 Lô M2, Chung cư số 01 Tôn Thất Tùng, Phường 1, Quận 4, diện tích 60,98 m² với tổng giá trị 1.170.816.000 đồng. Nếu không nhận căn hộ này thì được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ sau khi trừ tiền hóa giá nhà là 905.710.226 đồng (932.098.000 đồng – 26.378.774 đồng).

Ngày 31/12/2015, Ủy ban nhân dân Quận 4 ban hành Quyết định số 3683/QĐ-UBND-NK điều chỉnh diện tích bồi thường từ 79,20 m² thành 84,50 m²

Ngày 29/01/2016, Ủy ban nhân dân Quận 4 ban hành Quyết định số 257/QĐ-UBND-NK về duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà D như trên và ngày 22/8/2017 ban hành Quyết định số 2559/QĐ-UBND-NK bổ sung tên người sử dụng đất vào Quyết định số 257.

Do bà D khiếu nại diện tích, Ủy ban nhân dân Quận 4 đã đo đạc lại và ban hành Quyết định số 3613 điều chỉnh diện tích thì bà D không còn khiếu nại về diện tích bồi thường.

Việc bồi thường thực hiện theo Phương án số 66/PA-UBND ngày 12/8/2010 được phê duyệt tại Quyết định số 1102/QĐ-UBND-TH ngày 13/8/2010 của Ủy ban nhân dân Quận 4, không phải thay đổi phương án bồi thường, nên việc bà D yêu cầu xác định theo giá thị trường tại thời điểm ba hành Phương án số 1808/PA-UBND ngày 03/7/2015 là không có cơ sở.

Về nguồn gốc sử dụng:

Khối nhà 4 tầng và 02 tầng tọa lạc tại 33 Bến Vân Đồn, Phường 12, Quận 4 thuộc Bảng khoán số 992, 993, 994, 1009, 1010 do Tổng Nha Điền Địa cấp ghi trong sổ Điền Thổ Sài Gòn –Khánh Hội, Quyền số 4.

Bảng khoán số 992, 993, 1009, 1010 thuộc quyền sở hữu của bà Thái Thị C thế chấp cho Ngân hàng Quốc gia Việt Nam. Ngày 04/11/1977, Chi nhánh Công ty Rau quả tại Thành phố H có văn bản số 1151 RQ/KTCB đề nghị được thanh toán phí tồn và nợ của bà C để được sử dụng nhà thế chấp, được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản số 1343/KTKS ngày 15/11/1977 chấp thuận. Ngày 31/12/1977, bà C viết giấy cam kết giao nhà đất 33 Bến Vân Đồn cho Chi nhánh Công ty Rau quả tại Thành phố H sử dụng vào công ích Nhà nước.

Bảng khoán số 994 được ông Thái Sái Khanh lập giấy chuyển nhượng cho Chi nhánh Công ty Rau quả tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 30/11/1977.

Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp Giấy phép xây dựng số 306/GPXD ngày 01/7/1987 cho Chi nhánh Công ty Rau quả tại Thành phố H xây dựng Trạm kho giao nhận hàng rau quả xuất khẩu trên thửa đất thuộc các Bảng khoán số 992,

993, 994, 1009, 1010 Bến Vân Đồn. Đến ngày 03/02/1990 Ban Quản lý công trình khu vực Thành phố H bàn giao công trình 33 Bến Vân Đồn cho Tổng Công ty Rau Quả Việt Nam theo Biên bản bàn giao số 37/QLCT-KH và Biên bản số 40/QLCT-BB ngày 03/02/1990 thể hiện: Ban Quản lý công trình khu vực Thành phố H giao cho Chi nhánh gồm Tầng 1, 2, 4 và sân thượng. Tầng 3 thuộc quyền sử dụng của Ban Quản lý công trình. Ngày 05/11/1991, Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp Thực phẩm có văn bản số 1697/NN-KH/CV cho phép Tổng Công ty Rau Quả Việt Nam và Ban Quản lý công trình khu vực Thành phố H được tạm sử dụng nhà 33 Bến Vân Đồn (Tầng 3, phần góp vốn đầu tư trong ngôi nhà 4 tầng) thành nhà ở để giải quyết chỗ ở cho cán bộ biên chế trong Ban chưa có nhà ở.

Ban Quản lý công trình thuộc Tổng Công ty Rau Quả Việt Nam – Xí nghiệp Giao nhận Kho vận Rau Quả có Quyết định số 182/QLCT-TC ngày 13/12/1989 cấp cho ông Trương Thúc U căn hộ số 1 lầu 2 (Phòng 201), diện tích xây dựng 80,14 m², diện tích khuôn viên 80,14 m², diện tích sử dụng 84,50 m² và vợ chồng ông U sử dụng căn hộ đến nay.

Ủy ban nhân dân Quận 4 xác định nhà đất số 33 Bến Vân Đồn có nguồn gốc là nhà làm việc thuộc sở hữu Nhà nước nhưng các đơn vị, tổ chức đã chuyển đổi thành nhà ở cấp cho cá nhân để thu tiền là sai thẩm quyền, sai công năng.

Vì vậy, Ủy ban nhân dân Quận 4 nhận thấy việc ban hành Quyết định số 257 là đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Tòa án giữ nguyên nội dung quyết định trên.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1799/2019/HC-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố H đã quyết định:

Căn cứ Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 115, Điều 116, khoản 1 Điều 158 và Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Các điều luật đã viện dẫn trong bản án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của người khởi kiện, hủy Điều 1 Quyết định số 257/QĐ-UBND-NK ngày 29/01/2016 và hủy Điều 1 Quyết định số 3613/QĐ-UBND-NK ngày 10/11/2017 về việc hỗ trợ số tiền di chuyển. Buộc Ủy ban nhân dân Quận 4, Thành phố H hỗ trợ di chuyển đúng số tiền 6.000.000 đồng theo Phương án 66/PA/2010 cho hộ bà Nguyễn Thị Kim D.

Bác khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim D về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2498/QĐ-UBND-TH ngày 15/8/2017 của Ủy ban nhân dân Quận 4.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/12/2019, bà Nguyễn Thị Kim D có đơn kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định số 257 và Quyết định số 3613 của Ủy ban nhân dân Quận 4, Thành phố H.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Ông Võ Tuấn A là người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Kim D giữ nguyên kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định số 257 và Quyết định số 3613 của Ủy ban nhân dân Quận 4 vì bồi thường không đúng chính sách về bồi thường hỗ trợ khi thu hồi nhà đất; không trưng cầu cơ quan thẩm định giá mà Ủy ban nhân dân Quận 4 tự quyết định giá đất cụ thể là không đúng; bồi thường cho bà D căn hộ có diện tích nhỏ hơn diện tích căn hộ thu hồi là không đúng Phương án đền bù; xác định nguồn gốc nhà đất không đúng nên đã trừ tiền hóa giá nhà theo Nghị định 61/CP làm thiệt hại cho bà D.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân Quận 4 không đồng ý kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim D vì các quyết định của Ủy ban nhân dân Quận 4 đã được ban hành đúng quy định của pháp luật. Khi không còn nhu cầu sử dụng nhà thuộc sở hữu nhà nước, Công ty Rau Quả không bàn giao nhà lại cho Ủy ban nhân dân địa phương quản lý mà lại bán cho cán bộ công nhân viên chuyển thành nhà ở cá nhân là trái với quy định tại Điều 8 Nghị định số 02 năm 1979, là sử dụng sai công năng và sai thẩm quyền.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính; Đơn kháng cáo hợp lệ. Về nội dung đề nghị bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim D, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim D đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Các quyết định hành chính bị khởi kiện thuộc lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định cư quy định tại Khoản 6 Điều 22 Luật Đất đai năm 2013 và Khoản 5 Điều 75 Luật Nhà ở năm 2014. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại các điều 3, 30, 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 6; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính và mục 5 phần V Hướng dẫn số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao: “*Trong quá trình xét xử, Hội đồng xét xử*

có thẩm quyền xem xét tính hợp pháp đối với tất cả các quyết định hành chính khác có liên quan đến quyết định hành chính bị khởi kiện mà không phụ thuộc vào việc các quyết định này còn hay hết thời hiệu khởi kiện”. Do đó, để xem xét tính hợp pháp đối với quyết định hành chính bị khởi kiện trong vụ án này thì cần phải xem xét tất cả các quyết định hành chính khác có liên quan mà không phụ thuộc vào việc quyết định này còn hay hết thời hiệu khởi kiện.

[3] Về nguồn gốc nhà đất:

3.1. Căn cứ các văn bản gồm: Công văn số 1343/KTKS ngày 15/11/1977 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Giấy phép xây dựng số 306/GPXD-87 ngày 01/7/1987 của Ủy ban nhân dân Thành phố H; Công văn số 1697/NN-KN/CV ngày 05/11/1991 của Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp Thực phẩm; Giấy phân phối nhà số 182/QLCT-TC ngày 13/12/1989 của Hội đồng phân phối nhà ở - Tổng Công ty Rau Quả Việt Nam chi nhánh Thành phố H; Công văn số 390/CRQ-2016 ngày 20/6/2016 của Công ty Cổ phần Càng Rau Quả; Công văn số 40/RQNS/CV ngày 02/5/2018 của Tổng Công ty Rau Quả, Nông Sản – Công ty Cổ phần; Công văn số 3062/STC-CS ngày 19/4/2017 của Sở Tài chính Thành phố H và Công văn số 854/TCDN-CN ngày 06/7/2017 của Chi cục Quản lý tài chính doanh nghiệp – Sở Tài chính Thành phố H thì có căn cứ để xác định nhà đất số 33 Bến Vân Đồn, Phường 12, Quận 4, Thành phố H có nguồn gốc là của Tổng Công ty Rau Quả Việt Nam chi nhánh Thành phố H thanh toán nợ thay để nhận đất của bà Thái Thị C và nhận chuyển nhượng thêm phần đất của ông Thái Sái K¹, được Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp giấy phép xây dựng thành khu nhà 33 Bến Vân Đồn như hiện nay. Đến năm 1991, được Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm chủ trương phân phối một số phòng cho cán bộ công nhân viên để làm chỗ ở nên vào ngày 13/12/1989 của Hội đồng phân phối nhà ở - Tổng Công ty Rau Quả Việt Nam chi nhánh Thành phố H đã phân phối cho ông Trương Thúc U căn hộ số 1 lầu 2 (Phòng 201) trong tòa nhà 33 Bến Vân Đồn. Vợ chồng ông Trương Thúc U, bà Nguyễn Thị Kim D đã thanh toán tiền nhà xong và quản lý sử dụng căn hộ cho đến nay. Hiện nay, tòa nhà 33 Bến Vân Đồn không nằm trong danh sách nhà đất do Nhà nước quản lý theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ, cũng không nằm trong danh sách tài sản của Tổng Công ty Rau Quả Nông Sản - Công ty Cổ phần; đồng thời Công ty Cổ phần Rau Quả cũng không thuộc đối tượng xử lý theo Quyết định số 80/2001/QĐ-TTg ngày 24/5/2001 của Thủ tướng Chính phủ. Trên thực tế Nhà nước đã không thực hiện việc quản lý căn hộ số 01 lầu 2 nhà số 33 Bến Vân Đồn kể từ năm 1989 đến nay, mà là do vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim D quản lý, sử dụng.

3.2. Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: “*Trường hợp đất có nhà chung cư có mục đích hỗn hợp được xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2014, trong đó có một phần diện tích sàn nhà chung cư được sử dụng làm văn phòng, cơ sở thương mại, dịch vụ thì mục đích sử dụng chính của phần diện tích đất xây dựng nhà chung cư được xác định là đất ở*” (khoản 4 Điều 3); “*Trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền đã được sử dụng ổn định trước ngày 15 tháng 10 năm 1993, hoặc từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014, không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch thì người đang sử dụng đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với diện tích đất đã được giao*” (Điều 23).

Như vậy, việc Ủy ban nhân dân Quận 4 xác định căn hộ số 1 lầu 2 (Phòng 201), số 33 Bến Vân Đồn của vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim D, ông Trương Thúc U có nguồn gốc là nhà làm việc thuộc sở hữu Nhà nước nhưng các đơn vị, tổ chức đã chuyển đổi thành nhà ở cấp cho cá nhân để thu tiền sai thẩm quyền, sai công năng là không đúng quy định của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ đã viện dẫn trên.

[4] Từ việc xác định không đúng nguồn gốc nhà đất như mục [3] nêu trên, nên Quyết định số 257/QĐ-UBND-NK ngày 29/01/2016 và Quyết định số 3613/QĐ-UBND-NK ngày 10/11/2017 của Ủy ban nhân dân Quận 4 đã thực hiện chế độ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi toàn bộ Phòng số 1 (lầu 2) nhà số 33 Bến Vân Đồn có khấu trừ tiền hóa giá nhà theo Nghị định số 61/CP ngày 05/7/1994 của Chính phủ là không đúng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sử dụng nhà đất bị thu hồi. Do vậy, chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim D, sửa Bản án sơ thẩm, hủy Quyết định số 257/QĐ-UBND-NK ngày 29/01/2016 và Quyết định số 3613/QĐ-UBND-NK ngày 10/11/2017 của Ủy ban nhân dân Quận 4.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không phù hợp với nhận định trên nên không chấp nhận.

[5] Do sửa án sơ thẩm nên án phí hành chính sơ thẩm được xác định lại:

Bà Nguyễn Thị Kim D là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính sơ thẩm (đối với việc bị bác yêu cầu đối với Quyết định số 2498).

Ủy ban nhân dân Quận 4 phải chịu án phí hành chính sơ thẩm đối với các quyết định bị hủy.

Bà Nguyễn Thị Kim D không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[6] Quyết định của Bản án sơ thẩm về việc bác khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim D yêu cầu hủy Quyết định số 2498/QĐ-UBND-TH ngày 15/8/2017 của

Ủy ban nhân dân Quận 4 không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Điều 193 Luật tổ tụng hành chính quy định Tòa án chỉ có thẩm quyền buộc cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật. Bản án sơ thẩm đã ấn định số tiền cụ thể để buộc Ủy ban nhân dân Quận 4 phải thực hiện là không đúng, nhưng do các quyết định bị khởi kiện đã bị hủy nên chỉ rút kinh nghiệm là đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim D; Sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 1799/2019/HC-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố H như sau:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim D.

Hủy Quyết định số 257/QĐ-UBND-NK ngày 29/01/2016 của Ủy ban nhân dân Quận 4, Thành phố H về duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi toàn bộ nhà đất số 33 Phòng số 1 (lầu 2) Bến Vân Đồn, Phường 12, Quận 4 (thuộc một phần thửa đất số 16, tờ bản đồ số 4) do bà Nguyễn Thị Kim D đứng tên sử dụng trong dự án đầu tư xây dựng Trường Trung học phổ thông Nguyễn Khuyến, Quận 4.

Hủy Quyết định số 3613/QĐ-UBND-NK ngày 10/11/2017 của Ủy ban nhân dân Quận 4, Thành phố H về điều chỉnh Điều 1 của Quyết định số 257/QĐ-UBND-NK ngày 29/01/2016 của Ủy ban nhân dân Quận 4 về duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi toàn bộ nhà đất số 33 Phòng số 1 (lầu 2) Bến Vân Đồn, Phường 12, Quận 4 (thuộc một phần thửa đất số 16, tờ bản đồ số 4) do bà Nguyễn Thị Kim D đứng tên sử dụng trong dự án đầu tư xây dựng Trường Trung học phổ thông Nguyễn Khuyến, Quận 4.

2.2. Án phí hành chính sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Kim D được miễn án phí hành chính sơ thẩm và được hoàn trả tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số AA/2016/0033777 ngày 20/3/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H.

- Ủy ban nhân dân Quận 4, Thành phố H phải nộp án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*).

3. Bà Nguyễn Thị Kim D không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm
4. Quyết định của Bản án sơ thẩm về việc bác khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim D yêu cầu hủy Quyết định số 2498/QĐ-UBND-TH ngày 15/8/2017 của Ủy ban nhân dân Quận 4 không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.
5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân TP. H;
- VKSND TP. H;
- Cục THADS TP. H;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công

